

THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

Tên Tiếng Anh : Southern Hydropower Joint Stock Company

Giấy chứng nhận ĐKDN số : 0303416670 (đăng ký lần đầu số 4103002486 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 13/7/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/09/2012)

Vốn điều lệ : 937.102.000.000 đồng

Trụ sở chính : 93B Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại : 08 3911 0098

Số fax : 08 3910 0445

Website : www.shp.vn

Mã cổ phiếu : SHP



NỘI DUNG

01

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 Quá trình hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 11 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 13 Định hướng phát triển
- 15 Rủi ro

03

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 31 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình tài chính
- 35 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 35 Kế hoạch phát triển tương lai
- 35 Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 42 Hội đồng quản trị
- 52 Ban Kiểm soát
- 54 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 18 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 21 Tổ chức và nhân sự
- 25 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 26 Tình hình tài chính
- 28 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

04

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 37 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 37 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 38 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

- 57 Ý kiến của kiểm toán
- 58 Báo cáo tài chính





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



"SHP sẽ phấn đấu trở thành nhà cung cấp điện năng và năng lượng tái tạo hàng đầu"





Kính gửi: Các cấp Chính quyền, Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Quý khách hàng cùng Toàn thể Cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Kinh tế Việt Nam năm 2013 đã từng bước được ổn định, tăng trưởng và sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn là những vấn đề tiếp tục đặt ra cho năm 2014.

Dù vấp phải muôn vàn khó khăn nhưng mới bước vào những ngày đầu Quý IV – 2013, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đón nhận tin vui khi nhà máy Đa Dâng 2 của Công ty đã đạt 100% sản lượng kế hoạch của cả năm 2013. Đây cũng là một trong những chuỗi thành quả trong sự nỗ lực không ngừng nghỉ của người lao động trong Công ty khi liên tiếp có được những kết quả đáng ghi nhận. Cuối tháng 9/2013 sau một thời gian thi công, trải qua không ít khó khăn, nhà máy Thủy điện Đa M'Bri đã hoàn thành xong các công tác kỹ thuật, tiến hành tích nước hồ chứa và bắt đầu công việc cuối cùng để phát điện. Vào lúc 10g40 ngày 31/12/2013, tổ máy đầu tiên có công suất 37,5MW của nhà máy thủy điện Đa M'Bri – Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) đã phát điện hòa lưới quốc gia. Nhà máy thủy điện Đa M'Bri có công suất 75MW phát điện thương mại với giá bán điện bình quân 916,13 đồng/kWh sẽ góp phần không nhỏ vào nguồn doanh thu của Công ty cho năm 2014 và những năm tiếp theo .

Thêm vào đó, nhờ tình hình thời tiết, thủy văn năm 2013 thuận lợi, sản lượng và doanh thu của hai nhà máy Đasiat và Đa Dâng 2 đều hoàn thành kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu trong năm 2013 nhà máy Đasiat đạt giá trị hơn 59 tỷ đồng tăng 28,38% so với kế hoạch (46,2 tỷ đồng), nhà máy Đa dâng 2 đạt gần 135 tỷ đồng tăng 32,79% so với kế hoạch (101,5 tỷ đồng)

Thay mặt toàn thể Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc trước sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương trong thời gian qua. Đây là nguồn động lực lớn lao giúp Công ty tiếp tục phát triển, tăng trưởng bền vững trong tương lai. Tôi chân thành cảm ơn sự đồng lòng, chia sẻ của Quý cổ đông, sự hợp tác quý báu của Quý khách hàng và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và quan hệ tốt đẹp từ Quý vị trong những năm tới. Những thành quả mà chúng tôi đạt được trong năm qua còn đến từ sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Đại diện Hội đồng quản trị, tôi gửi tới các anh chị em lời cảm ơn để ghi nhận những nỗ lực của mọi người trong năm qua.

Năm 2014, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam sẽ tiếp tục phấn đấu tăng trưởng vượt bậc để đạt đến những thành công mới.

Chủ tịch HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Duy





GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 09 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- 11 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 13 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 15 RỦI RO

2013/12/03



CÁC NHÀ MÁY ĐANG HOẠT ĐỘNG

Nhà máy Thủy điện Đasiat

Được xây dựng tại huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng, công suất 13,5 MW với sản lượng 59,34 triệu kwh/năm. Tháng 01 năm 2010, nhà máy đã phát điện hòa lưới quốc gia



Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2

Được xây dựng tại Huyện Đức Trọng và Huyện Lâm Hà thuộc tỉnh Lâm Đồng, có công suất lắp máy là 34MW, hàng năm cho sản lượng điện 152,11 triệu kWh/năm, phát điện hòa lưới quốc gia từ ngày 27/09/2010



Nhà máy Thủy điện Đa M'Bri

Nằm trên địa bàn xã Lộc Tân – huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc – huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải – huyện Đa Tẻ tỉnh Lâm Đồng. Nhà máy gồm 2 tổ máy có tổng công suất lắp đặt là 75 MW. Nhà máy phát điện hòa lưới quốc gia ngày 31/12/2013





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2004

- Ngày 13/07/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103002486, chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 250 tỷ đồng

2006

- Ngày 24/03/2006, Công ty thông qua kế hoạch đầu tư thêm dự án thủy điện Đa M'Bri. Ngày 3/06/2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 687 tỷ đồng

2010

- Ngày 10/09/2010 Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCOM. Khánh thành 2 nhà máy thủy điện Đasiat và Đa Dâng 2

2011

- Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 853 tỷ đồng

2012

- Thông tuyến hầm Dự án công trình thủy điện Đa M'Bri, Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 937 tỷ đồng

2013

- Nhà máy thủy điện Đa M'Bri chính thức đi vào hoạt động





SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2013

Ngày 31/12/2013 tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đa M'Bri chính thức hoạt động, đây là nhà máy có công suất lớn nhất của SHP. Dự kiến tổ máy số 2 – tổ máy cuối cùng sẽ đi vào hoạt động tháng 04/2014, sản lượng hàng năm của nhà máy sẽ là **338,2 triệu kWh** góp phần cung cấp điện đang thiếu tại khu vực phía Nam.



SỰ KIỆN KHÁC:

Ngày 02/10/2013 vừa qua tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) và Công ty Mua bán điện (EVN EPTC) đã tiến hành ký kết hợp đồng mua bán điện cho nhà máy thủy điện Đa M'Bri do Công ty Thủy điện Miền Nam đầu tư xây dựng, quản lý vận hành. Đại diện EVN EPTC có Ông Nguyễn Đình Doãn – giám đốc; đại diện cho SHP là Ông Nguyễn Văn Thịnh – Tổng Giám đốc đã thống nhất ký hợp đồng mua và bán điện giữa hai bên.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo lực lượng quản lý vận hành các nhà máy điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.





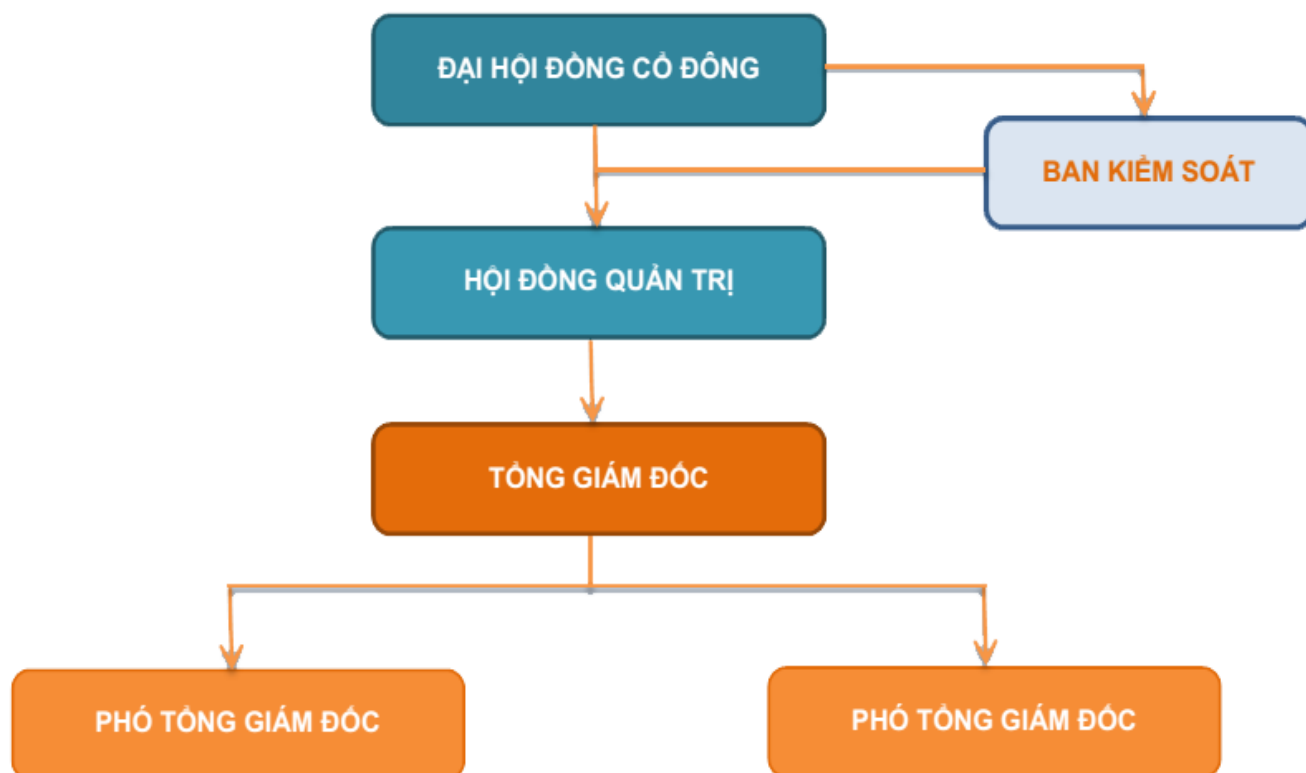
ĐỊA BÀN KINH DOANH





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



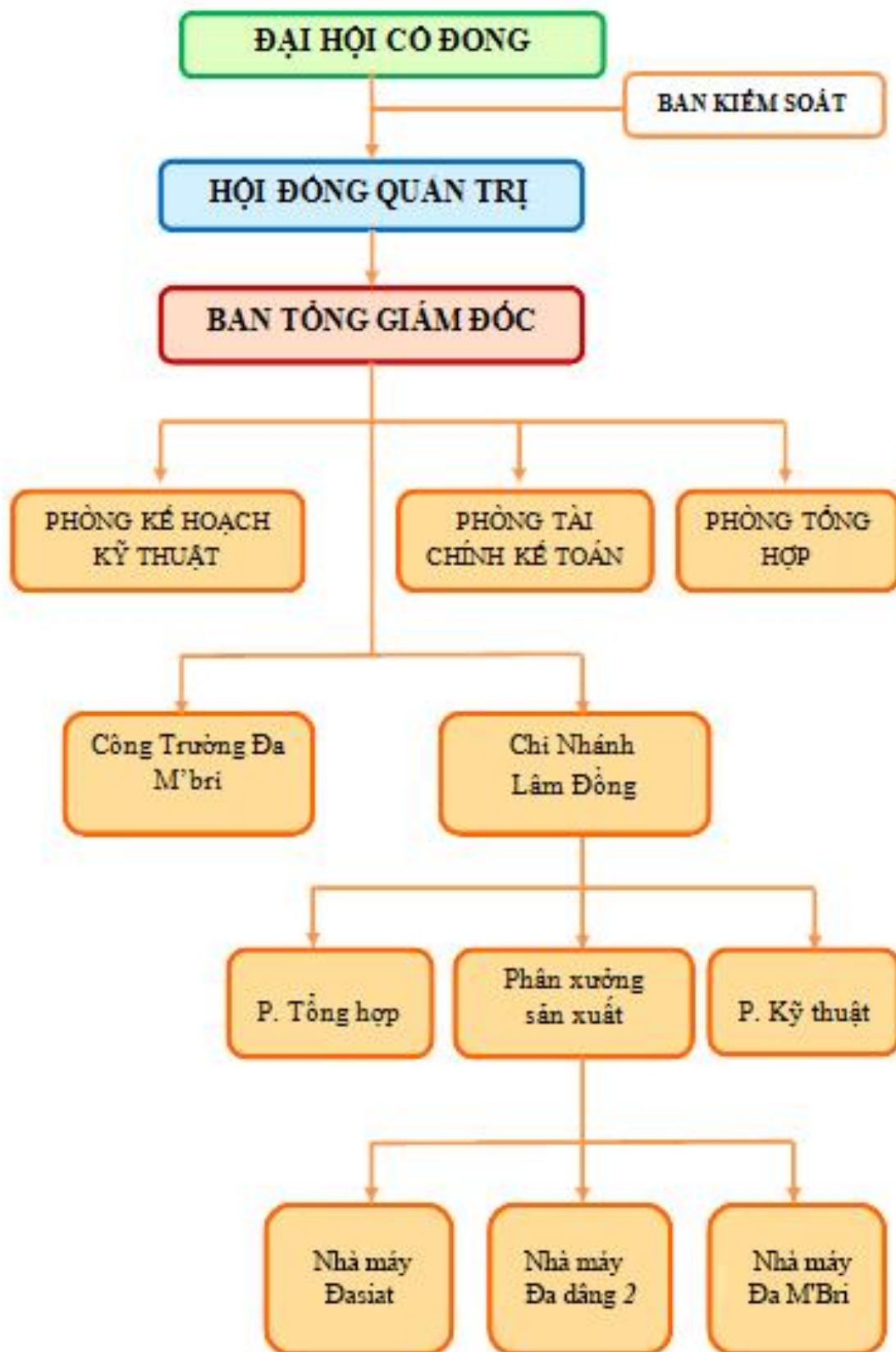
Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị (bao gồm các tiểu ban chức năng : Tiểu ban chính sách phát triển, Nhân sự, Giám sát nội bộ);
- Ban Kiểm soát;
- Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;





CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Năm 2014: Nhà máy Đasiat, nhà máy Đa dâng 2 : thực hiện công tác kiểm tra bảo dưỡng thiết bị 2 tổ máy, bảo trì đường dây dẫn nối bán điện, giảm số lần sự cố không phát được sản lượng điện trong mùa mưa, không để mất nước và phát huy sản lượng điện giờ cao điểm mùa khô.
- Nhà máy Đa M'Bri: nghiên cứu phân tích hệ thống để chuẩn bị đưa nhà máy Đa M'Bri tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ mùa khô năm 2014-2015
- Tiếp tục hoàn thành các kế hoạch đã đề ra, nỗ lực vượt qua từng chỉ tiêu.
- Hướng đến mục tiêu là nhà đầu tư và cung cấp hàng đầu chuyên về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Năm 2015: Nghiên cứu chuẩn bị để nhà máy Đa M'Bri, nhà máy Đa dâng 2 tham gia thị trường bán buôn điện từ năm 2015-2016.
- Công ty tiếp tục tìm kiếm tham gia hoặc chuyển giao đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.
- Về lâu dài, khi nguồn thủy điện không còn, Công ty sẽ chuyển sang đầu tư nguồn năng lượng sạch khác là năng lượng gió và năng lượng mặt trời.





Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Ba dự án CDM Đasiat, CDM Đa dâng 2, CDM Đa M'Bri đã được Ủy Ban Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu chấp thuận là dự án CDM, Công ty sẽ tổ chức tiến hành thẩm định để được phát hành chứng chỉ CO2 ra thị trường.
- Công ty đã có đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xin trồng rừng tại diện tích đất đã được giao xây dựng, nhà máy Đa dâng 2 để tái tạo môi trường cho khu vực dân cư xã Tân Thanh huyện Đức Trọng.
- Công ty sẽ tham gia trồng tái tạo rừng cho dự án Thủy điện Đa M'Bri theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học tại các huyện Đahuoai, huyện Bảo Lâm, các xã Lộc Bắc, Lộc Tân xã Đa M'Bri diện vùng sâu, vùng xa và còn khó khăn





RỦI RO

Rủi ro về nguồn nước

Nhân tố quyết định đến sự phát triển của ngành thủy điện chính là nguồn nước. Những thời điểm hạn hán kéo dài sẽ làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại đối với các công trình của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Với những rủi ro này, Công ty đổi mới cách tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, thiết lập phương án phòng chống lụt bão, sửa chữa những vị trí xung yếu, gia cố; thường xuyên cập nhật các thông tin thủy văn cũng như chỉ đạo của Chính phủ và các ban, ngành, địa phương nhằm điều chỉnh biểu đồ khai thác cho phù hợp, đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời.

Rủi ro về mặt kinh tế

Là một thành phần của nền kinh tế, Công ty cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng và chi phối của tình hình kinh tế đất nước nói chung và sự phát triển của ngành nói riêng. Bên cạnh đó, khả năng phát triển của Công ty còn bị chi phối và chịu sự ảnh hưởng bởi định hướng phát triển của chiến lược phát triển điện, xây dựng công trình thủy điện và nhu cầu tiêu thụ điện của đất nước qua từng thời kỳ.

Rủi ro về mặt pháp luật

Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo hình thức cổ phần, trở thành công ty đại chúng và giao dịch trên Thị trường Chứng khoán, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định liên quan đến đất đai môi trường... Ngoài ra, trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước, địa phương sẽ có những thay đổi hoặc triển khai các chế độ chính sách khác nhau đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





Rủi ro về lịch phát điện

Việc Công ty được Trung tâm điều độ AO xếp phát điện vào giờ cao điểm và nếu còn nước được chạy giờ thấp điểm mùa khô, huy động hết hay không hết công suất vào mùa mưa ảnh hưởng đến sản lượng phát điện của các nhà máy.

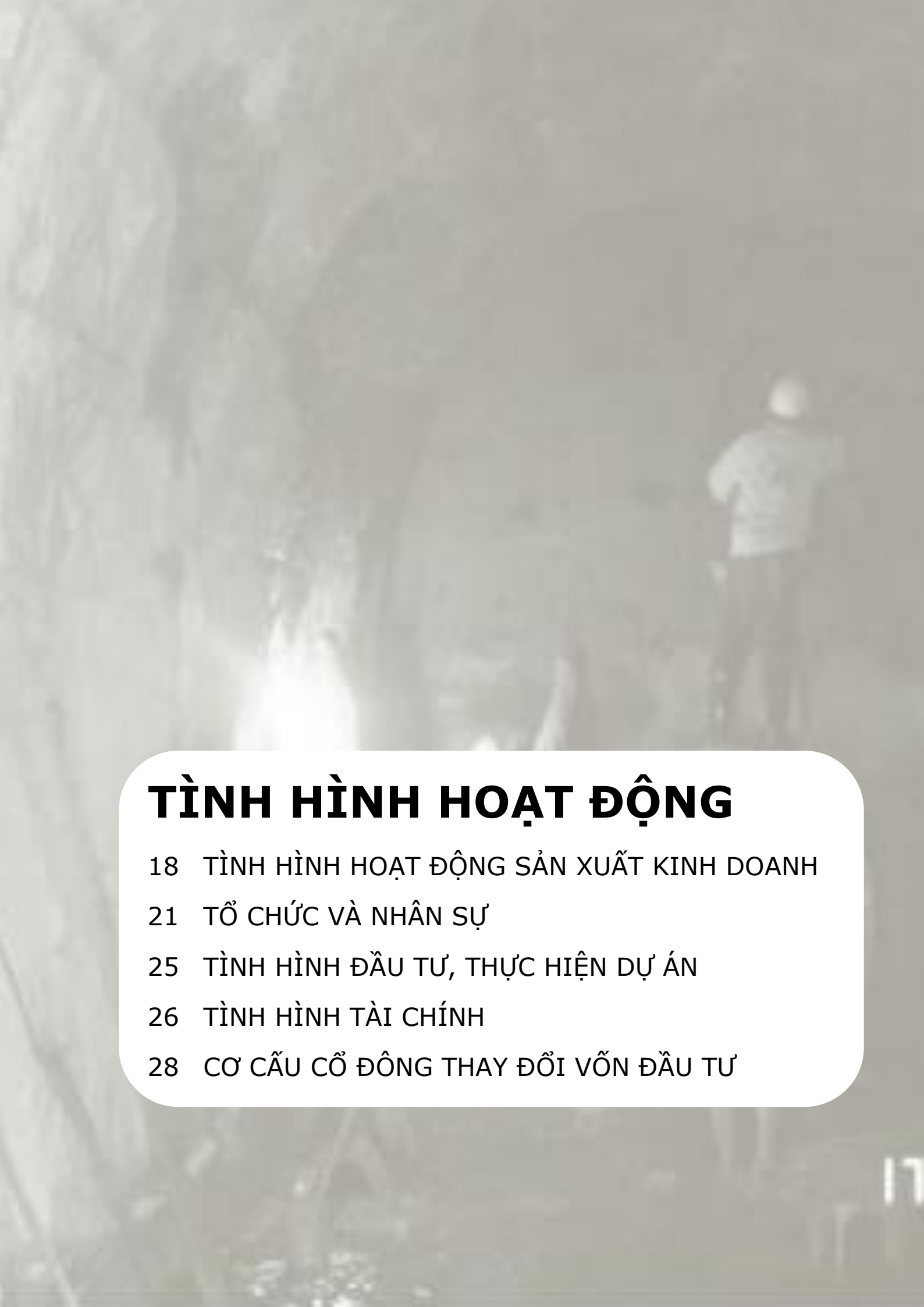
Rủi ro về giá bán điện

Giá bán điện của nhà máy Đa Siat áp dụng giá bán điện theo cơ chế chi phí tránh được do Bộ Công Thương ban hành hàng năm, hiện nay giá bình quân của các nhà máy áp dụng cơ chế chi phí tránh được được tăng từng năm. Giá bán điện của nhà máy Đa Dâng 2, nhà máy Đa M'Bri tham gia thị trường điện, trước tình hình tỷ trọng nguồn thủy điện trong cơ cấu nguồn điện ngày càng giảm, giá thành sản xuất điện của các nhà máy nhiệt điện khí, dầu, than cao nên giá bán điện của các nhà máy thủy điện của Công ty CP Thủy Điện Miền Nam không gặp rủi ro giảm.

Rủi ro địa chất

Khi xây dựng các công trình thủy điện, tình hình địa chất có nguy cơ xấu đi dẫn gây ảnh hưởng đến các công trình và tiến độ thực hiện.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 18 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 21 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 25 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
- 26 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 28 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ



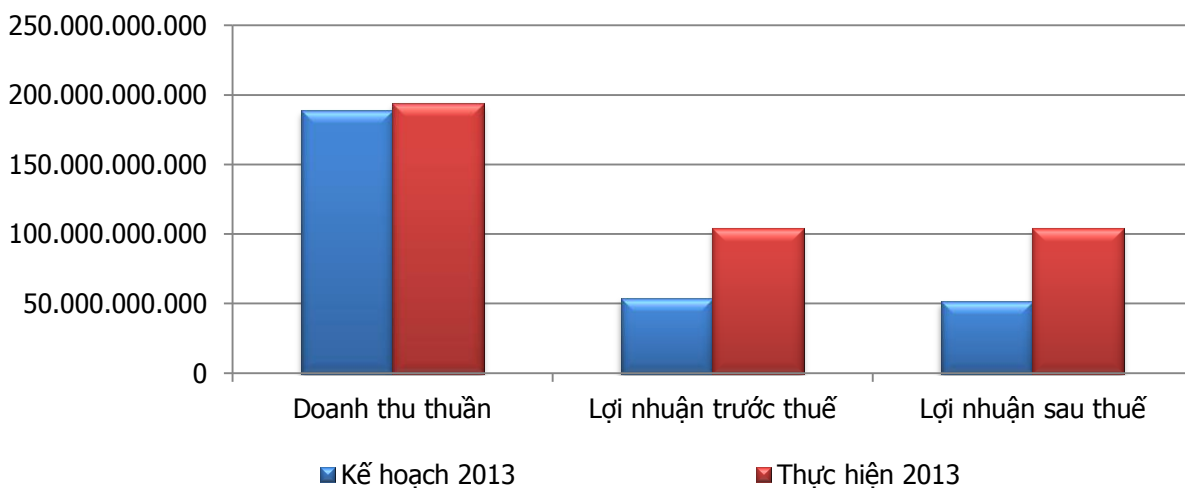
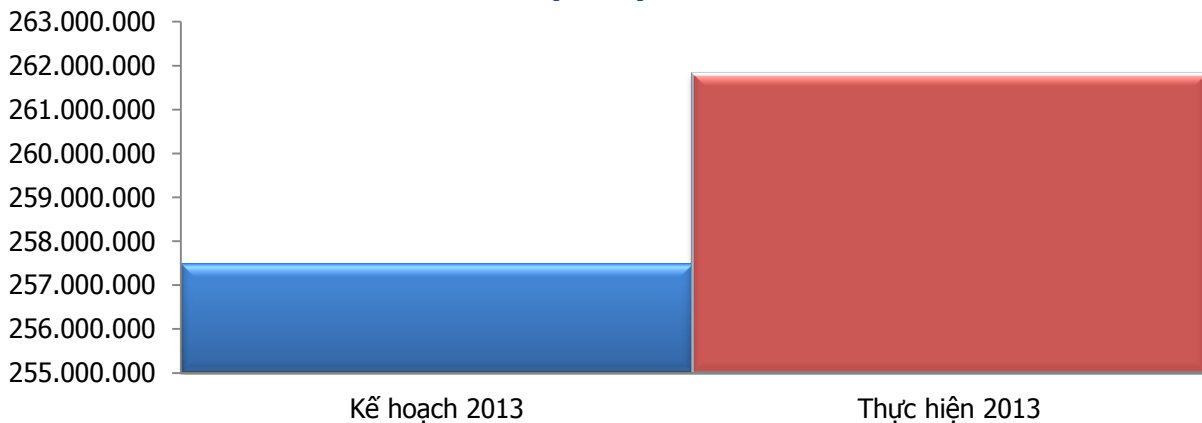
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2013 được đánh giá một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, tuy nhiên cùng với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể lãnh đạo và công nhân lao động, Công ty đã đạt được những thành quả rất khích lệ như bảng thống kê bên dưới đây:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% TH/KH 2013
Tổng sản lượng điện	MWh	257.500.000	261.818.260	101,68%
Doanh thu thuần	Đồng	188.950.000.000	194.095.070.219	102,72%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	53.467.011.418	104.376.137.795	195,22%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	51.842.011.418	104.218.011.499	201,03%

Tổng sản lượng điện
(MWh)





Nguyên nhân để đạt được thành quả như trên là do những yếu tố sau:

- Trong năm Công ty có nhiều thuận lợi về mọi mặt, đặc biệt là thời tiết và thủy văn.
- Giá bán điện được điều chỉnh tăng lên cộng với tổng sản lượng tăng lên dẫn đến tổng doanh thu cũng được tăng lên tương ứng. Đặc biệt là sản lượng của nhà máy Đa Dâng 2.
- Về hoạt động kinh doanh, các nhà máy vận hành tương đối ổn định, dù vẫn còn một số sự cố hư hỏng thiết bị và một vài vị trí của công trình bị sạt lở. Các sự cố xảy ra đã được Công ty kịp thời khắc phục đảm bảo vận hành an toàn cho nhà máy.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động trong công tác điều hành cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các Cơ quan, Ban, Ngành liên quan cũng như sự thông cảm, sẻ chia từ các cổ đông và còn có sự nỗ lực cố gắng của toàn thể người lao động trong Công ty.

Sản lượng theo nhà máy

Nhà máy	Năm 2012	Năm 2013	
	Sản lượng	Sản lượng	% tăng/giảm so với năm 2012
ĐaSiát	67.054.520	64.262.060	- 4,16%
Đa Dâng2	173.000.100	197.556.200	14,19%
Tổng cộng	240.054.620	261.818.260	9,07%

Đơn vị tính : MWh

Doanh thu theo nhà máy

Nhà máy	Năm 2012	Năm 2013	
	Giá trị	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2012
ĐaSiát	58.188.121.085	59.311.256.300	1,93%
Đa Dâng2	118.972.060.082	134.783.813.919	13,29%
Tổng cộng	177.160.181.167	194.095.070.219	9,56%

Đơn vị tính : đồng

Lợi nhuận gộp theo nhà máy

Nhà máy	Năm 2012	Năm 2013	
	Giá trị	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2012
ĐaSiát	32.396.751.868	30.187.554.575	- 6,82%
Đa Dâng2	78.412.867.956	92.125.519.598	17,49%
Tổng cộng	110.809.619.824	122.313.074.173	10,38%

Đơn vị tính : đồng





Trong năm 2014, nhà máy thủy điện Đa M'Bri đã chính thức hoạt động. Đây là nhà máy có công suất lớn nhất trong ba nhà máy của SHP. Khi tổ máy 2 – tổ máy cuối cùng đi vào hoạt động tháng 04/2014 thì sản lượng điện hàng năm mà SHP cung cấp sẽ tăng vọt, điều này sẽ có đóng góp lớn cho doanh thu Công ty





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên BDH	Chức vụ	SLCP năm giữ	Tỷ lệ (%) trên VDL
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc (<i>Kiểm Ủy viên HĐQT</i>)	75.000	0,08
2	Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.520	0,002
3	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	93.250	0,1
4	Bà Nguyễn Thành Tú Anh	Kế toán trưởng	0	0

Trong năm 2013, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành





Sơ nét về lí lịch Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN VĂN THỊNH				
TỔNG GIÁM ĐỐC			CMND	024888782
	Năm sinh	1955	Quê quán	Ninh Bình
	Ngày bổ nhiệm	12/4/2012	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện

1

ÔNG NGUYỄN DŨNG				
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC			CMND	264442948
	Năm sinh	1957	Quê quán	Quảng Nam
	Ngày bổ nhiệm		Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện

2

ÔNG NGUYỄN VĨNH CHÂU				
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC			CMND	025440845
	Năm sinh	1961	Quê quán	Vũng Tàu
	Ngày bổ nhiệm		Trình độ chuyên môn	Kỹ sư

3

BÀ NGUYỄN THÀNH TÚ ANH				
KẾ TOÁN TRƯỞNG			CMND	225053965
	Năm sinh	1977	Quê quán	Khánh Hòa
	Ngày bổ nhiệm		Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

4





CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Số lượng cán bộ nhân viên

YẾU TỐ		SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ (%)
Số nhân sự trong Công ty		124	
Phân theo trình độ chuyên môn			
♦ Trên đại học		2	1,61 %
♦ Đại học		44	35,48 %
♦ Cao đẳng		19	15,32 %
♦ Trung học chuyên nghiệp		22	17,74 %
♦ Sơ cấp và CN kỹ thuật		32	25,81 %
♦ Lao động phổ thông		5	4,03%
Phân theo đối tượng lao động			
♦ Lao động trực tiếp		51	41,13 %
♦ Lao động gián tiếp		73	58,87 %
Phân theo hợp đồng lao động			
♦ Hợp đồng xác định thời hạn		35	28,23 %
♦ Hợp đồng không xác định thời hạn		89	71,77 %
Phân theo giới tính			
♦ Nam		104	83,87 %
♦ Nữ		20	16,13 %
Lương bình quân (đồng/tháng)	Năm 2011	10.982.173	
	Năm 2012	12.775.089	
	Năm 2013	14.568.445	

Chính sách lao động

- Để chuẩn bị nhân lực chuẩn bị sản xuất vận hành nhà máy Đa M'Bri, Công ty đã tuyển dụng nhân lực và tự đào tạo, thực tập tại các nhà máy đã đi vào sản xuất. Năm 2013 lực lượng chuẩn bị sản xuất được Công ty giao nhiệm vụ theo dõi công tác giám sát lắp đặt thiết bị thủy công, thiết bị các tổ máy. Các kỹ sư, kỹ thuật viên chuẩn bị sản xuất được hưởng đầy đủ chế độ lương và quyền lợi khác trong lúc nhà máy chưa đi vào sản xuất.
- Việc tham gia công tác giám sát lắp đặt thiết bị giúp lực lượng chuẩn bị sản xuất vận hành hiểu rõ được tính năng kỹ thuật, để nâng cao trình độ quản lý vận hành.





Môi trường làm việc

- Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, chăm lo đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên qua các khóa đào tạo ngắn ngày về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế... và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy.
- Đối với chế độ tiền lương, Công ty thực hiện nghiêm chỉnh theo Luật Lao động và Quy chế nâng bậc lương Công ty đã ban hành... Thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép năm và tổ chức tham quan du lịch cho cán bộ công nhân viên.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2013:

STT	Hạng mục	Kế hoạch 2013 (tỷ đồng)	Thực hiện 2013 (tỷ đồng)
1	Chi phí xây lắp	334,4	296,51
2	Chi phí thiết bị	25,0	24,0
3	Chi phí đền bù	139,25	141,0
4	Chi phí khác	2,53	2,72
Tổng cộng		501,19	464,23

Kết quả trong năm 2013 là Công ty đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy thủy điện Đa M'بری. Chi phí cụ thể là:

Hạng mục	Giá trị (đồng)
Chi phí xây dựng	1.195.823.458.447
Chi phí thiết bị	241.999.813.347
Chi phí kiến thiết cơ bản khác	621.697.672.839
Chi phí kiến thiết cơ bản khác	78.686.532.877
Chi phí lãi vay được vốn hóa	230.542.935.163
Chi phí đền bù	233.141.759.257
Chi phí quản lý	79.326.445.542
Tổng cộng	2.059.520.944.633

- Công tác hoàn thiện dự án trong năm ngoài việc gặp nhiều khó khăn trong công tác xây dựng các hạng mục mà còn gặp trở ngại trong việc đền bù cho Công ty Tâm Châu trong lòng hồ. Tuy nhiên với sự quyết tâm của Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu để đưa tổ máy đầu tiên của nhà máy Thủy điện Đa M'بری đã phát điện ngày 31/12/2013.
- Ngoài ra các hạng mục khác như: Đập và cửa nhận nước, đường hầm, thiết bị trạm 110kV, máy biến áp 110kV và đường dây 110kV đã hoàn thành trong năm 2013 và sẵn sàng hoạt động.

Các khoản đầu tư khác : Trong năm công ty không có đầu tư nào khác.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Không có





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	2.532.525.252.633	2.926.554.590.619	15,56%
2	Doanh thu thuần	đồng	177.160.181.167	194.095.070.219	9,56%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	đồng	93.280.684.570	103.303.873.524	10,75%
4	Lợi nhuận khác	đồng	1.970.875.353	1.072.264.271	- 45,59%
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	95.251.559.923	104.376.137.795	9,58%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	91.311.715.925	104.218.011.499	14,13%
7	Mức cổ tức	%	7%	8%	14,29%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	71,84%	71,93%	0,13%

Tài sản:

Kết thúc năm 2013, Tổng giá trị tài sản công ty đạt 2.927 tỷ đồng, tăng 15,56% so với năm 2012. Tổng tài sản tăng là do trong năm Công ty đã đầu tư thêm để hoàn thiện các hạng mục tại công trình thủy điện Đa M'Bri. Tổng mức đầu tư này là hơn 460 tỷ đồng.

Doanh thu:

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt giá trị hơn 194 tỷ đồng, tăng 9,56% so với năm 2012. Doanh thu năm 2013 chủ yếu đến từ hai nhà máy Đasiat và Đa Dâng 2, đặc biệt đáng ghi nhận là sản lượng của nhà máy Đa Dâng 2 đã vượt kế hoạch về sản lượng và doanh thu đã đề ra.

Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế đạt 104,4 tỷ tăng 9,58% so với năm 2012, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế lại tăng 14,13% so với năm 2012 đạt 104,2 tỷ đồng. Nguyên nhân là trong năm Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn đầu tư.

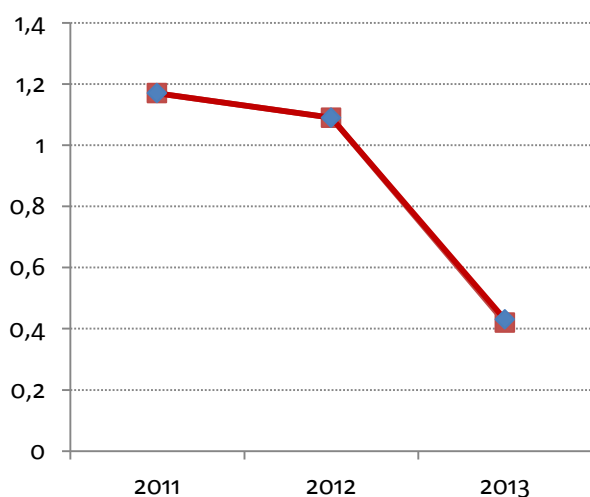




Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2012	2013	Đơn vị
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,09	0,42	Lần
Hệ số thanh toán nhanh:	1,09	0,43	Lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	58,70	63,07	%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	142,15	171,78	%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	122,56	81,22	Vòng
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,07	0,07	Vòng
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	51,54	53,69	%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,73	9,64	%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,61	3,56	%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	52,64	53,22	%

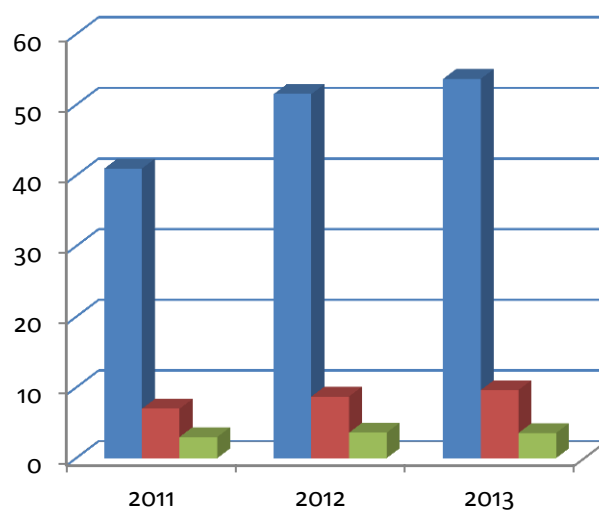
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



—■— Hệ số thanh toán ngắn hạn:

—◆— Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



■ ROS

■ ROE

■ ROA





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ



Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành	:	93.710.200
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	:	93.598.429
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	:	111.771

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**
Trong năm 2013, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư chủ sở hữu
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**
 - a. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
 - b. Các giao dịch thực hiện trong năm: Không có
- **Các chứng khoán khác:** Không có





Cơ cấu cổ đông: (danh sách chốt 31/12/2013)

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu			Tỷ lệ sở hữu CP
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông Nhà nước	45.784.358	-	45.784.358	48,86%
II	Cổ đông nội bộ	372.416	3.000	375.416	0,40%
III	Cổ đông trong nước	93.549.229	111.771	93.661.000	99,95%
	Cá nhân	26.803.124	111.771	26.914.895	28,72%
	Tổ chức	66.746.105	-	66.746.105	71,23%
IV	Cổ đông nước ngoài	49.200	-	49.200	0,05%
	Cá nhân	49.200	-	49.200	0,05%
	Tổ chức	-	-	-	0%
Tổng cộng		93.598.429	111.771	93.710.200	100%

Danh sách cổ đông lớn (cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ)

STT	Tên cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	45.784.358	457.843.580.000	48,86%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	18.950.713	189.507.130.000	20,22%
Tổng cộng				69,08%





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

31 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

33 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

35 NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

35 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

35 GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng	2012	2013	So với 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	177.160.181.167	194.095.070.219	9,56 %
Các khoản giảm trừ			
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	177.160.181.167	194.095.070.219	9,56 %
Giá vốn hàng bán	66.350.561.343	71.781.996.046	8,19 %
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.809.619.824	122.313.074.173	10,38 %
Doanh thu hoạt động tài chính	13.660.904.777	6.441.416.917	-52,85 %
Chi phí tài chính	17.648.940.444	11.045.801.598	-37,41 %
Trong đó: Chi phí lãi vay	17.648.940.444	11.045.801.598	-37,41 %
Chi phí bán hàng			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.540.899.587	14.404.815.968	6,38 %
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	93.280.684.570	103.303.873.524	10,75 %
Thu nhập khác	1.976.119.153	1.075.402.001	- 45,58 %
Chi phí khác	5.243.800	3.137.730	- 40,16 %
Lợi nhuận khác	1.970.875.353	1.072.264.271	- 45,59 %
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.251.559.923	104.376.137.795	9,58 %
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.939.843.998	158.126.296	- 95,99 %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	91.311.715.925	104.218.011.499	14,13 %
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.033	1.112	7,66 %

Kết thúc năm 2013, Ban Giám Đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông 2013 đã giao phó. Cụ thể: Doanh thu bán hàng đạt giá trị 194 tỷ đồng, tăng 9,56% so với năm 2012 (177 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng so với năm 2012 lần lượt là 9,58% và 14,13%. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.112 đồng, tăng 7,56% so với năm 2012. Kết quả này có được là nhờ sự nỗ lực đáng khích lệ của toàn thể cán bộ, nhân viên toàn công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tích chung thì vẫn còn một số điểm mà Công ty vẫn chưa đạt được. Tiêu biểu là việc Nhà máy Đa M'Bri không thực hiện được phát điện 55 triệu kWh theo kế hoạch, điều này kéo theo việc doanh thu chưa thật sự đạt được như kỳ vọng.





Tổng chi phí: 97,235 tỷ đồng, thực hiện đạt 68,48 % so với kế hoạch 2013. Trong đó:

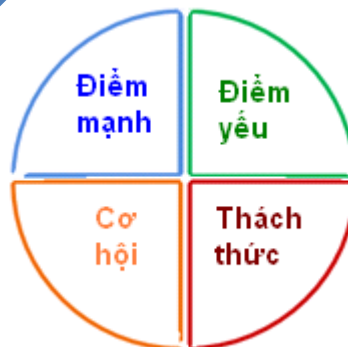
- Chi phí khấu hao: 48,242 tỷ đồng, đạt 68,25% so với kế hoạch 2013.
- Chi phí lãi vay: 11,046 tỷ đồng, đạt 33,71% so với kế hoạch 2013.
- Chi phí hoạt động: 24,982 tỷ đồng, đạt 94,88% so với kế hoạch 2013.
- Thuế tài nguyên: 7,729 tỷ đồng, đạt 109,63% so với kế hoạch 2013.
- Phí dịch vụ môi trường rừng: 5,236 tỷ đồng, đạt 101,67% so với kế hoạch 2013.

Tổng chi phí giảm so với kế hoạch 2013 chủ yếu do nhà máy Đa M'Bri chưa đi vào hoạt động trong năm nên các chi phí liên quan đến nhà máy Đa M'Bri như khấu hao, lãi vay... chưa được ghi nhận trong năm.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN

Ngành điện là một trong số những ngành trọng điểm quốc gia trong quá trình hội nhập và phát triển. Ngành luôn nhận được sự quan tâm không chỉ Nhà nước mà còn chính người dân, những người tiêu dùng cuối cùng của sản phẩm. Mặt khác, Công ty được điều hành và tổ chức hợp lý bởi Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nhân viên nỗ lực, phấn đấu cùng nhau vì sự phát triển chung của Công ty

Vốn đầu tư vào ngành còn hạn chế, trình độ nguồn nhân lực và công nghệ chưa phát triển phù hợp với nhu cầu tiêu dùng. Một số nhà thầu thi công gặp khó khăn về tài chính nên công trình không đạt được tiến độ mong muốn.



Trong điều kiện thời tiết diễn biến thuận lợi tạo điều kiện tích nước cho các hồ chứa. Việt Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc, thuận lợi cho việc phát triển thủy điện.

Tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn, nguồn vốn vay từ Ngân hàng gặp nhiều hạn chế. Ngoài ra, trong điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, các nguồn nhiên liệu như than, khí, dầu ngày càng khó tìm kiếm, thăm dò và khai thác.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2013 (đồng)	2012 (đồng)	% tăng giảm	Tỷ trọng 2013	Tỷ trọng 2012
Tài sản ngắn hạn	252.950.023.409	432.882.274.240	-41,57%	8,64%	17,09%
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.466.189.713	182.894.255.652	-87,17%	0,80%	7,22%
Hàng tồn kho	1.204.273.069	563.411.139	113,75%	0,04%	0,02%
Các khoản phải thu ngắn hạn	217.499.628.662	197.754.554.586	9,98%	7,43%	7,81%
Tài sản dài hạn	2.673.604.567.210	2.099.642.978.393	27,34%	91,36%	82,91%
Tài sản cố định	2.672.453.740.816	2.098.647.250.721	27,34%	91,32%	82,87%
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>2.070.136.983.461</i>	<i>1.448.069.762.308</i>	42,96%	70,74%	57,18%
TỔNG TÀI SẢN	2.926.554.590.619	2.532.525.252.633	15,56%	100%	100%

Tổng tài sản:

Tổng tài sản năm 2013 tăng 15,56% so với năm 2012 từ 2.532 tỷ đồng lên 2.927 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là từ việc đầu tư vào nhà máy thủy điện Đa M'Bri.

Tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn giảm mạnh đến 41,57% so với năm 2012 từ 433 tỷ đồng xuống còn 253 tỷ đồng. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền giảm đến 87,17%, với giá trị vào cuối năm chỉ còn 23 tỷ đồng (năm 2012 là 182,9 tỷ đồng). Nguyên nhân là trong năm Công ty gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay để giải quyết chi phí vượt Tổng mức đầu tư cho nhà máy Đa M'Bri, do đó Công ty đã linh động sử dụng nguồn tiền có sẵn để chi trả. Ngoài ra trong năm 2012, Công ty cũng được hoàn thuế GTGT với giá trị là 46,6 tỷ đồng trong khi năm 2013 chỉ là 4,9 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn:

Ngược lại với Tài sản ngắn, Tài sản dài hạn đã tăng 27,34% so với năm 2012 đạt giá trị là 2.672 tỷ đồng. Đóng góp vào mức tăng này chủ yếu là chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng gần 43% so với năm 2012 từ 1.448 tỷ đồng lên 2.070 tỷ đồng.





Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2013 (đồng)	2012 (đồng)	% tăng giảm	Tỷ trọng 2013	Tỷ trọng 2012
Nợ ngắn hạn	591.505.261.327	397.060.431.577	48,97%	32,05%	26,71%
Nợ dài hạn	1.254.246.802.547	1.089.630.697.173	15,11%	67,95%	73,29%
TỔNG NỢ	1.845.752.063.874	1.486.691.128.750	24,15%		

Trong năm 2013, tình hình nợ phải trả có sự thay đổi, nợ ngắn hạn tăng 48,97% từ 371 tỷ đồng lên 591 tỷ đồng, đạt tỷ trọng 26,71%. Nợ dài hạn tăng 15,11%, đạt giá trị 1.254 tỷ đồng, chiếm 73,29% trong tỷ trọng năm 2013. Tổng nợ đang ở mức 1.846 tỷ đồng, tăng 24,15% so với năm 2012.

Cụ thể tình hình thanh toán các khoản nợ như sau:

Dự án Đasiat:

Năm 2013, Công ty đã thực hiện trả nợ gốc là 17,440 tỷ đồng, lãi vay là 3,167 tỷ đồng với lãi suất bình quân năm 2013 là 11,6%. Dư nợ vay đến cuối năm 2013 17,2 tỷ đồng. Thời hạn trả hết nợ tháng 11/2014.

Dự án Đa Dâng 2:

Năm 2013 đã thực hiện trả nợ gốc là 42,516 tỷ đồng, lãi vay 7,878 tỷ đồng với lãi suất vay là 6,9%/năm. Dư nợ vay cuối năm 2013 là 85,078 tỷ đồng. Thời hạn trả hết nợ tháng 12/2015.

Dự án Đa M'Bri:

Theo hợp đồng tín dụng, tháng 10/2012 Công ty bắt đầu trả nợ gốc dự án Đa M'Bri. Công ty đã làm thủ tục xin gia hạn thời gian kéo dài thêm 1 năm và đã được Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Lâm Đồng chấp thuận. Thời gian bắt đầu trả nợ gốc sau khi điều chỉnh từ tháng 10/2013. Năm 2013, Công ty đã tiếp tục làm thủ tục gửi VDB để xin gia hạn thời gian ân hạn cho Dự án Đa M'Bri và đã được Ngân hàng gia hạn thời gian ân hạn kéo dài đến tháng 01/2014 (thay vì tháng 10/2013) và 3 tháng đầu tiên năm 2014 nợ gốc phải trả là 5 tỷ đồng/tháng (thay vì 10,965 tỷ đồng/ tháng).

Do Tổng mức đầu tư dự án Đa M'Bri tăng lên (Tổng mức đầu tư ban đầu được duyệt từ năm 2007), Công ty đã làm thủ tục xin vay bổ sung từ VDB nhưng không được chấp thuận do tổng số vốn vay của Công ty lớn hơn 15% vốn điều lệ của Ngân hàng. Để đảm bảo đủ vốn đầu tư Dự án Đa M'Bri, Công ty đã thu xếp tín dụng vay vốn bổ sung với Ngân hàng Ngoại thương (VCB)-CN TP. Hồ Chí Minh.





NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Trong năm công ty không có những cải tiến nào về tổ chức và chính sách quản lý

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đưa tổ máy 2 nhà máy Đa M'Bri vào vận hành tháng 04/2014.
- Hoàn tất công tác quyết toán dự án thủy điện Đa Dâng 2.
- Tập trung công tác quyết toán dự án thủy điện Đa M'Bri.
- Đưa nhà máy Đa M'Bri tham gia thị trường điện.
- Triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ban giám đốc không có giải trình nào đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Tp. HCM , ngày 28 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

37 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

37 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC

38 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm 2013 khép lại với tình hình kinh tế trong nước vẫn còn trì trệ, tăng trưởng thấp khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, khó tiếp cận vốn vay. Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam trong năm qua cũng đã bị ảnh hưởng không nhỏ, khi Ngân hàng không thể cho Công ty vay tín dụng để thanh toán cho các nhà thầu xây dựng cũng như gặp nhiều trở ngại khi tìm nguồn tín dụng khác.
- Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty, đã thể hiện sự quyết tâm chỉ đạo để Công ty phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của năm 2013.
- Đối với việc đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đa M'Bri: Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong công tác xây dựng các hạng mục và đặc biệt là trở ngại trong việc đền bù diện tích chèn của Công ty Tâm Châu trong lòng hồ do nhiều nguyên nhân khách quan nhưng vì mục tiêu phải tích được nước hồ chứa để phát điện, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để ngày 31/12/2013 tổ máy đầu tiên của nhà máy Thủy điện Đa M'Bri đã phát điện hòa lưới quốc gia thành công.
- Với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tại hai nhà máy thủy điện Đa Siat và Đa Dâng 2, trong năm 2013 thủy văn thuận lợi do đó sản lượng và doanh thu của Công ty đạt 102% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty đã đạt 104,218 tỷ đồng.
- Qua kết quả trên, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam hoàn thành nhiệm vụ năm 2013 và để có thể thực hiện các mục tiêu của năm 2013, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động trong công tác điều hành cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các Cơ quan, Ban, Ngành liên quan cũng như sự thông cảm, sẻ chia từ các cổ đông và còn có sự nỗ lực cố gắng của toàn thể người lao động trong Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc Công ty trong công tác điều hành đã bám sát Nghị quyết của HĐQT thực hiện theo đúng phân cấp, phân quyền theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông định kỳ thường niên và Nghị quyết của HĐQT. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng Giám đốc điều hành Công ty xin ý kiến của HĐQT kịp thời để tổ chức thực hiện.
- Nhìn chung, trong năm 2013 Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, điều hành Công ty hiệu quả, tiết kiệm, đúng pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác chính quyền địa phương và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như đảm bảo chính sách cho nhân sự của Công ty.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Định hướng của HĐQT trong năm 2014:

- Năm 2014 Công ty phải hoàn thành và đưa tổ máy số 2 nhà máy Đa M'Bri vào vận hành, các nhà máy Đasiat và Đa Dâng 2 đã được sửa chữa, thay thế dần các thiết bị khiếm khuyết nên ngày một vận hành ổn định là cơ sở để Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.
- HĐQT đánh giá rằng nền kinh tế năm 2014 có thể còn khó khăn và khi nhà máy Đa M'Bri đi vào hoạt động phát điện thương mại thì Công ty sẽ đối mặt với việc nợ gốc và lãi vay phải trả ở những năm đầu là rất cao do đó sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty trong năm 2014, tuy nhiên Hội đồng quản trị cũng sẽ cùng lãnh đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam phải đưa ra được các phương án để giải quyết với mong muốn kết quả trong năm 2014 sẽ đạt được như kỳ vọng, cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mà tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kế hoạch tổng quát :

- 1) Phấn đấu đạt kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2014.
- 2) Đưa tổ máy số 2 nhà máy Đa M'Bri vào vận hành trong tháng 04/2014.
- 3) Chuyển sản giao dịch chứng khoán cổ phiếu Công ty.





Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận

TỔNG DOANH THU

497.900

TRIỆU ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

78.447

TRIỆU ĐỒNG





Sau khi phân tích lựa chọn phương án sản lượng các nhà máy cho năm 2014 phù hợp với điều kiện chung và thực tế qua các năm vận hành, HĐQT đề xuất kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

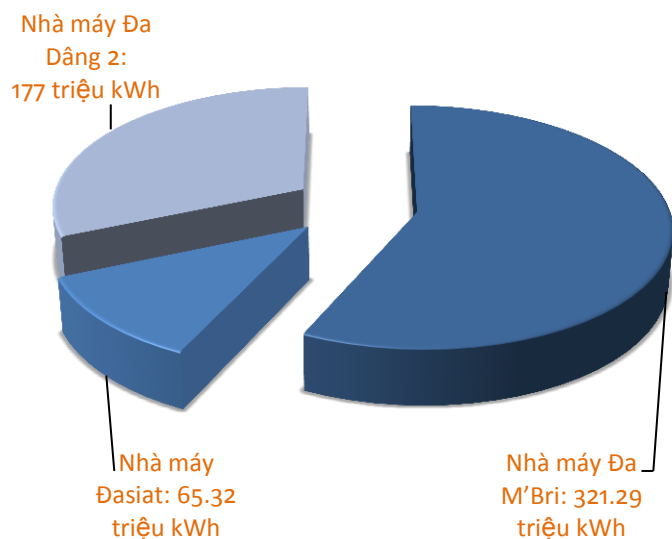
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	497.900
2	Tổng chi phí	415.039
3	Lợi nhuận trước thuế năm 2014	82.861
4	Thuế TNDN năm 2014	4.414
5	Lợi nhuận sau thuế năm 2014	78.447
6	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	64.564
7	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2014	148.464
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%) năm 2014	3.138
9	Chi trả cổ tức năm 2014 (8%)	74.968
10	Lợi nhuận sau phân phối lũy kế đến năm 2014	341

Đơn vị tính: triệu đồng

Kế hoạch sản lượng như sau:

Sản lượng các nhà máy Đasiat và Đa Dâng 2 theo số liệu thực tế thực hiện bình quân 3 năm 2011, 2012 và 2013, nhà máy Đa M'Bri lấy bằng 95% số liệu thiết kế. Cụ thể như sau:

Tổng sản lượng dự kiến năm 2013 là:
563,66 triệu kWh





QUẢN TRỊ CÔNG TY

42 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

52 BAN KIỂM SOÁT

54 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	
3	Ông Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT	
5	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên HĐQT	
6	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	
7	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT	

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú	SLCP năm giữ	Tỷ lệ (%) / VDL
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không tham gia điều hành	38.000	0,041
	<i>Phan Thị Ngọc Mỹ</i>	<i>Vợ</i>		122.800	0,131
	<i>Nguyễn Như Thảo</i>	<i>Con</i>		115.200	0,123
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	Tổng Giám đốc	75.000	0,080
3	Ông Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên HĐQT	TV không tham gia điều hành.	10.000	0,011
4	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT	TV không tham gia điều hành.	3.000	0,003
5	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên HĐQT	TV không tham gia điều hành.	17.500	0,019
	<i>Trịnh Thị Thu Thủy</i>	<i>Em ruột</i>		100.000	0,107
6	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	TV không tham gia điều hành	2.685	0,003
7	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT	TV không tham gia điều hành	2.686	0,003
Tổng				486.871	0,521





Tóm tắt lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN THÀNH DUY		CHỦ TỊCH HĐQT	
Giới tính	Nam	CMND	021575708
Năm sinh	1955	Quê quán	Đồng Nai
Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	- Kỹ sư điện ĐH Bách Khoa' - Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

3/1978 -3/1994: Chuyên viên Phòng vật tư Công ty Điện lực 2 (nay là TCT Điện lực Miền Nam)

3/1994-6/1995: Phó phòng Vật tư Công ty Điện lực 2

6/1995-11/1996 : Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại Công ty Điện lực 2

11/1996-6/1997: Trưởng phòng Vật tư Công ty Điện lực 2

6/1997-5/1998: Trưởng phòng Hợp tác quốc tế Công ty Điện lực 2

5/1998-4/2003: Phó Giám đốc Công ty Điện lực 2

5/2003-04/8/2005: Giám đốc Công ty Điện lực 2

05/8/2005-31/12/2005: Giám đốc Công ty điện lực TP.HCM

01/2006 – 02/2010: Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

02/1010 – nay: Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ	38.000	Tỷ lệ	0.041%
Số cổ phần của người có liên quan	Vợ: Phan Thị Ngọc Mỹ: 122.800	Tỷ lệ	0,131%
	Con:Nguyễn NhưThảo: 115.200		0,123%
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	+ Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy Điện Miền Trung + Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Đại Việt		

Ông NGUYỄN VĂN THỊNH

ỦY VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC

Xem trong phần giới thiệu Ban điều hành



**Ông NGUYỄN HỮU PHƯƠNG****ỦY VIÊN HĐQT**

Giới tính	Nam	CMND	020610029
Năm sinh	1955	Quê quán	Khánh Hòa
Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

03/1978 – 12/1980 : Cán bộ kế toán – Ban thiết kế điện 1 Công ty Điện lực 2 (nay là TCT Điện lực Miền Nam)

01/1981 – 10/1988 : Phó phòng TCKT – XN xây lắp Điện Công ty Điện lực 2

11/1988 – 01/1991 : Trưởng phòng TCKT – XN xây lắp Điện Công ty Điện lực 2

02/1991 – 10/1998: Kế toán trưởng XN xây lắp Điện Công ty Điện lực 2

11/1998 – 15/07/1999: Phó phòng TCKT Công ty Điện lực 2

16/07/1999 – 30/12/2006: Kế toán Trưởng Công ty Điện lực 2

01/01/2007 đến nay: Trưởng ban kế hoạch Tổng công ty Điện lực Miền Nam

Số cổ phần nắm giữ	10.000	Tỷ lệ	0,011%
--------------------	---------------	-------	---------------

Số cổ phần của người có liên quan	Không có	Tỷ lệ	Không có
-----------------------------------	-----------------	-------	-----------------

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng ban kế hoạch Tổng công ty Điện lực Miền Nam
---------------------------------------	--

Ông TRỊNH PHI ANH**ỦY VIÊN HĐQT**

Giới tính	Nam	CMND	024729774
Năm sinh	1947	Quê quán	Bình Dương
Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	- Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

1997 – 2000: Giám đốc Nhà máy thủy điện Trị An

2000 – 2007: Giám đốc Công ty thủy điện Đanhim – Hàm Thuận – Đami

Chức vụ hiện nay: Chuyên viên Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Số cổ phần nắm giữ	3.000	Tỷ lệ	0,003%
--------------------	--------------	-------	---------------

Số cổ phần của người có liên quan	Không có	Tỷ lệ	Không có
-----------------------------------	-----------------	-------	-----------------

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
---------------------------------------	-----------------





Bà TRỊNH THỊ TUYẾT MINH		ỦY VIÊN HĐQT	
Giới tính	Nữ	CMND	020521543
Năm sinh	1962	Quê quán	Quảng Ngãi
Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế. Quản trị kinh doanh
<u>Quá trình công tác:</u>			
1986 : Phòng KT-TC nhà máy Bia Sài Gòn			
18/03/1996: Phó phòng KT-TC công ty Bia Sài Gòn			
30/12/1996: Quyền Trưởng phòng Tài vụ Công ty Bia Sài Gòn			
11/03/1998: Trưởng phòng KT-TC Công ty Bia Sài Gòn – kiêm Quyền Trưởng phòng KT-TC TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.			
21/02/2000: Quyền trưởng phòng KT-TC TCT, kiêm Trưởng phòng KT-TC TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.			
02/07/2003: Trưởng phòng KT-TC TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.			
22/10/2003: Kế toán trưởng TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.			
12/05/2006: Phó Tổng giám đốc TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.			
01/06/2008 – 31/12/2013: Giám đốc điều hành tài chính Tổng công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn			
Số cổ phần nắm giữ	17.500	Tỷ lệ	0,019%
Số cổ phần của người có liên quan	Em:Trình Thị Thu Thủy: 100.000	Tỷ lệ	0,107%
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó tổng giám đốc Cty TNHH Mê Linh Point. Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung. Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Đại Việt. Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư thương mại Tân Thành. Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		

Ông NGUYỄN VĂN DŨNG		ỦY VIÊN HĐQT	
Giới tính	Nam	CMND	250237978
Năm sinh	1963	Quê quán	Quảng Nam
Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
<u>Quá trình công tác:</u>			
01/2004 – 01/2005 : Phó phòng TC-HC Điện lực Lâm Đồng			
02/2005 – 07/2010 : trưởng phòng TC-HC Điện lực Lâm Đồng			
07/2010 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Lâm Đồng.			
Số cổ phần nắm giữ	2.685	Tỷ lệ	0,003%
Số cổ phần của người có liên quan	Không có	Tỷ lệ	Không có
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Giám đốc Công ty Điện lực Lâm Đồng.		



**Ông LÊ CHÍ PHƯỚC****ỦY VIÊN HĐQT**

Giới tính	Nam	CMND	360390096
Năm sinh	1953	Quê quán	TP.HCM
Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 9/1997 đến 6/1989: Cán bộ phòng kỹ thuật sản xuất- Điện lực Tp.Cần Thơ

Từ 7/1989 đến 12/2010: Phó phòng TC-HC-LĐ Điện lực Tp.Cần Thơ

Từ 01/2011 đến 12/2012: PPT Chánh văn phòng Điện lực Tp.Cần Thơ

Từ 1990 đến 12/2012: Chủ tịch Công đoàn Công ty Điện lực Tp. Cần Thơ

Số cổ phần nắm giữ	2.686	Tỷ lệ	0,003%
--------------------	--------------	-------	---------------

Số cổ phần của người có liên quan	Không có	Tỷ lệ	Không có
-----------------------------------	-----------------	-------	-----------------

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác
Nguyên Chủ tịch công đoàn - Công ty Điện lực TP. Cần Thơ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có





Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013

- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty hoạt động có thể đánh giá là hiệu quả, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã luôn bám sát tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời hoạt động của Công ty nhằm hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và cùng với Ban điều hành Công ty giải quyết các vấn đề khó khăn của nhà thầu, các vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng nhà máy Thủy điện Đa M'Bri, đặc biệt là các vấn đề liên quan trong việc đền bù diện tích chôn Công ty Tâm Châu trong lòng hồ thủy điện và hoạt động sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy.
- Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty.
- Năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã ra các quyết nghị theo thẩm quyền về những vấn đề chính sau:
 - Đẩy nhanh tiến độ gia cố đường hầm nhà máy thủy điện Đa M'bri, có giải pháp vốn để giải ngân cho các nhà thầu nhằm duy trì tiến độ thi công
 - Thống nhất giao Công ty thực hiện các thủ tục vay vốn bổ sung, tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn cho dự án thủy điện Đa M'Bri
 - Thống nhất thực hiện theo kết luận của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 21/8/2013 về giá trị đền bù với Công ty TNHH Tâm Châu
 - Phê duyệt thanh lý các vật tư thiết bị phục vụ thi công Công trình Đa M'Bri
 - Phê duyệt quy định nguyên tắc điều chỉnh giá dự án thủy điện Đa M'Bri
 - Phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành dự án thủy điện Đa Dâng 2
 - Phê duyệt tổng mức đầu tư hiệu chỉnh công trình thủy điện Đa Siat

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT	6/6	
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc	6/6	
3	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT	6/6	
4	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên HĐQT	5/6	Bận công tác
5	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	6/6	
6	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT	5/6	Bận công tác



**Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:**

STT	Số NQ, QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	07/01/2013	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thầu gói thầu DR-XL.5D – Công trình thủy điện ĐaM'Bri
2	02/QĐ-CPTĐMN-KHKT	23/01/2013	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu gói thầu DR-XL.06E – Công trình thủy điện ĐaM'Bri
3	06/NQ-CPTĐMN-HĐQT	05/02/2013	Tiến độ thi công Dự án Thủy điện ĐaM'Bri Về việc công tác đền bù đối với công ty Tâm Châu
4	07/NQ-CPTĐMN-HĐQT	06/02/2013	Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Chi phí ban quản lý thuộc công trình thủy điện Đa M'Bri
5	08/NQ-CPTĐMN-HĐQT	02/04/2013	Thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ 15 hộ trong lòng hồ để xây dựng nhà máy Thủy điện Đa M'Bri (giai đoạn 7)
6	09/NQ-CPTĐMN-HĐQT	10/04/2013	Phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thi công. Hạng mục tuyến đường tránh gặp lòng hồ Công trình Thủy điện Đa M'Bri
7	10/NQ-CPTĐMN-HĐQT	10/04/2013	Phê duyệt Kế hoạch chỉ định thầu và đơn vị thực hiện gói thầu "Hoàn thiện nhà máy" Công trình Thủy điện Đa M'Bri
8	11/NQ-CPTĐMN-HĐQT	10/04/2013	Phê duyệt Kế hoạch chỉ định thầu và đơn vị thực hiện gói thầu "Đắp trả thượng lưu hồ móng nhà máy"





9	12/NQ-CPTĐMN-HĐQT	24/04/2013	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu gói thầu DR-XL.5C – Công trình thủy điện Đa M'Bri
10	15/NQ-CPTĐMN-HĐQT	10/05/2013	Phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh – Dự án Thủy điện Đa M'Bri
11	19/NQ-CPTĐMN-HĐQT	21/05/2013	Về vay vốn bổ sung cho Dự án Thủy điện Đa M'Bri Về Công tác đền bù đối với Công ty Tâm Châu Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 Về tình hình thu hồi tạm ứng đối với Cavico VN Về dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
12	20/NQ-CPTĐMN-HĐQT	24/05/2013	Phê duyệt Chi phí hoạt động năm 2013
13	21/NQ-CPTĐMN-HĐQT	24/05/2013	Phê duyệt Chi phí hoạt động năm 2013
14	27/NQ-CPTĐMN-HĐQT	06/06/2013	Thống nhất chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2013
15	28/NQ-CPTĐMN-HĐQT	12/06/2013	Phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh – Dự án Thủy điện Đa M'Bri
16	34/NQ-CPTĐMN-HĐQT	17/06/2013	Phê duyệt Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh Công trình Nhà máy thủy điện Đasiat
17	39/NQ-CPTĐMN-HĐQT	28/06/2013	Về việc ban hành Điều lệ Công ty
18	42/ NQ-CPTĐMN-HĐQT	19/07/2013	Về việc phê duyệt chọn đơn vị soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013
19	43/NQ-CPTĐMN-HĐQT	19/07/2013	Công tác đền bù diện tích chèn của Công ty TNHH Tâm Châu





20	49/NQ-CPTĐMN-HĐQT	26/08/2013	Công tác bồi thường đối với Công ty TNHH Tâm Châu. Tờ trình về vay ngắn hạn và trung hạn cho dự án Đa M'Bri
21	50/NQ-CPTĐMN-HĐQT	09/09/2013	Phê duyệt kế hoạch chỉ định thầu và đơn vị thực hiện gói thầu "Thiết kế - thi công cảnh quan và hạng mục phụ trợ vận hành nhà máy" Công trình thủy điện Đa M'Bri
22	51/NQ-CPTĐMN-HĐQT	15/10/2013	Về việc phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành (thuộc dự án thủy điện Đa Dâng 2)
23	52/NQ-CPTĐMN-HĐQT	29/10/2013	Về việc phê duyệt qui định nguyên tắc điều chỉnh giá – Dự án thủy điện Đa M'Bri
24	54/NQ-CPTĐMN-HĐQT	27/11/2013	Về việc phê duyệt thanh lý một số sắt thép, vật tư phục vụ thi công Công trình thủy điện Đa M'Bri
25	55/NQ-CPTĐMN-HĐQT	11/12/2013	Thống nhất giao Công ty thực hiện các thủ tục vay vốn với giá trị 100 tỷ đồng bổ sung nguồn vốn lưu động để chi trả cho công tác đền bù đối với Công ty TNHH Tâm Châu và thanh toán cho nhà thầu các chi phí đầu tư dự án Đa M'Bri. Ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Thịnh – Tổng Giám đốc Công ty CPTĐMN thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng và ký giao dịch trên các chứng từ, hồ sơ vay vốn này tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN TP.HCM
26	56/NQ-CPTĐMN-HĐQT	20/12/2013	Phê duyệt chi phí bồi thường diện tích chèn của Công ty TNHH Tâm Châu trong lòng hồ Dự án thủy điện Đa M'Bri

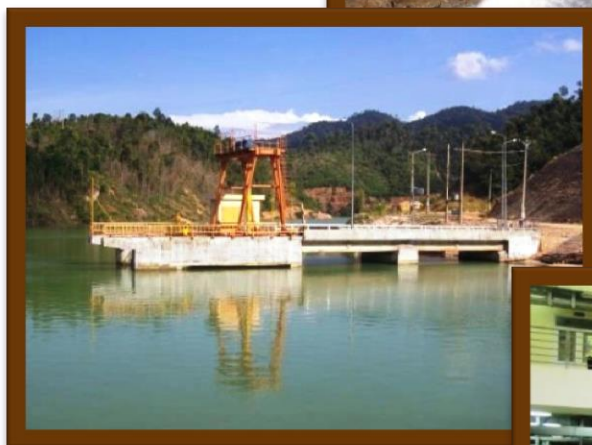
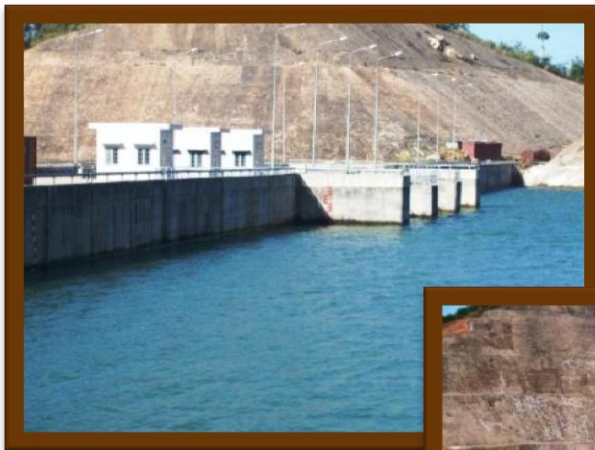




Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có





BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Ông Thang Thanh Hà	Trưởng BKS	7.600	0,008
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Ủy viên BKS	20.000	0,021
3	Ông Tô Công Thanh Lộc	Ủy viên BKS	6.000	0,006

Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

ÔNG THANG THANH HÀ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT			CMND	022649613
	Năm sinh	1962	Quê quán	Thanh Hóa
	Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy công – thủy điện; Kỹ sư hệ thống điện

ÔNG HOÀNG MINH DŨNG

ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT			CMND	022018098
	Năm sinh	1966	Quê quán	Quảng Bình
	Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh

BÀ TÔ CÔNG THANH LỘC

ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT			CMND	020127670
	Năm sinh	1959	Quê quán	Ninh Thuận
	Ngày bổ nhiệm	12/04/2012	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Cử nhân QTKD





Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện nhiệm vụ của mình, năm 2013 Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra một số mặt hoạt động của Công ty như: Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty; tiến độ xây dựng Dự án thủy điện Đa M'Bri; công tác tài chính kế toán, thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý, chi phí đầu tư; kiểm tra tình hình sử dụng lao động, thực hiện chính sách với người lao động.

Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và sự hợp tác của lãnh đạo Công ty cũng như Người lao động Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia một số cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Ban lãnh đạo của Công ty với các nhà thầu thi công công trình, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra thực địa một số hạng mục công trình đang xây dựng và các nhà máy.

Trong các buổi họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được hỏi ý kiến cũng như đã chủ động tham gia góp ý liên quan đến đầu tư xây dựng và sản xuất của Công ty.

Đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước
- Đã thực hiện công tác soát xét tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán cả năm 2013
- Tuân thủ đúng Điều lệ của HĐQT, quy định của Nhà nước về việc mua sắm, sửa chữa trong năm 2013
- Nhìn chung, Công ty đã cố gắng điều hành tiết kiệm chi phí, tuy nhiên một số chi phí liên quan sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy Đasiat và Đa dâng 2 thực hiện tăng cao so với kế hoạch do một số thiết bị thời gian vận hành đã bị hư hỏng, gây sự cố cần phải thay thế.

Nhận xét về công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, đã giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT, kiên quyết chỉ đạo Công ty thực hiện dự án đúng tiến độ.

Mặc dù tiến độ đầu tư dự án Đa M'Bri chậm, tuy nhiên Ban kiểm soát đánh giá Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc điều hành hoạt động theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Lãnh đạo và Người lao động Công ty đã thể hiện tính tích cực chủ động, có trách nhiệm trong sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc trong năm 2013 theo Ban kiểm soát là cần trọng và có trách nhiệm.



**GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH****Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao/tháng
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT			10.000.000
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT			6.000.000
	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT			6.000.000
	Ông Nguyễn Hữu Phong	Ủy viên HĐQT			6.000.000
	Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Ủy viên HĐQT			6.000.000
	Ông Lê Chí Phước	Ủy viên HĐQT			6.000.000
	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT			6.000.000
	Tổng cộng				46.000.000
Ban Kiểm soát	Ông Thang Thanh Hà	Trưởng BKS			6.000.000
	Ông Hoàng Minh Dũng	Ủy viên BKS			3.000.000
	Ông Tô Công Thanh Lộc	Ủy viên BKS			3.000.000
	Tổng cộng				12.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng GD	78.250		93.250	0,10	Mua cổ phiếu
2	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	37.000		75.000	0,08	Mua cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính, tổ chức hạch toán kế toán phù hợp các Chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật. Công tác quyết toán tài chính được quan tâm, đảm bảo chính xác, kịp tiến độ, đúng thời gian. Thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính vào 06 tháng và kiểm toán cuối năm đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ tại các đơn vị cơ sở. Thực hiện tốt nghĩa vụ công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

57 Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

58 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số : 67/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo Tài chính năm 2013 của
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam, được lập ngày 03/03/2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002486 ngày 13 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 06 với mã số doanh nghiệp là 0303416670 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 09 năm 2012.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 937.102.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Chi nhánh Lâm Đồng

Địa chỉ

Căn số 02, Lô D5, Hồ Tùng Mậu, khu QH Bắc Giang, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng





Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Chí Phước	Thành viên
Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Thang Thanh Hà	Trưởng ban
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên
Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.950.023.409	432.882.274.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.466.189.713	182.894.255.652
1. Tiền	111		20.966.189.713	18.137.139.718
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	164.757.115.934
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.821.364.689	3.821.364.689
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.821.364.689	3.821.364.689
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		217.499.628.662	197.754.554.586
1. Phải thu khách hàng	131		34.649.963.855	37.728.416.372
2. Trả trước cho người bán	132		182.496.400.190	158.788.440.596
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	353.264.617	1.237.697.618
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	1.204.273.069	563.411.139
1. Hàng tồn kho	141		1.204.273.069	563.411.139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.958.567.276	47.848.688.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		510.725.224	412.453.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.916.145.507	46.690.478.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	113.116.139	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.418.580.406	745.756.552
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.673.604.567.210	2.099.642.978.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.672.453.740.816	2.098.647.250.721
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	599.596.893.718	647.840.847.886
- Nguyên giá	222		774.902.319.369	774.579.708.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.305.425.651)	(126.738.860.286)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-





TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2013	01/01/2013
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.719.863.637	2.736.640.527
- Nguyên giá	228		2.719.863.637	2.744.847.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(8.207.110)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	2.070.136.983.461	1.448.069.762.308
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.150.826.394	995.727.672
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	766.826.394	611.727.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		384.000.000	384.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.926.554.590.619	2.532.525.252.633





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.845.752.063.874	1.486.691.128.750
I. Nợ ngắn hạn	310		591.505.261.327	397.060.431.577
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	254.295.000.000	96.364.000.000
2. Phải trả người bán	312		106.033.125.202	91.953.081.357
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	5.192.794.020	5.518.856.437
5. Phải trả người lao động	315		7.446.961.813	5.081.997.521
6. Chi phí phải trả	316	V.13	9.735.306.777	9.964.319.474
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	207.579.237.311	187.077.890.509
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.222.836.204	1.100.286.279
II. Nợ dài hạn	330		1.254.246.802.547	1.089.630.697.173
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	1.254.246.802.547	1.089.630.697.173
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.080.802.526.745	1.045.834.123.883
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1.080.802.526.745	1.045.834.123.883
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-





NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		143.700.526.745	108.732.123.883
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.926.554.590.619	2.532.525.252.633

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Hà

Nguyễn Thành Tú Anh

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	194.095.070.219	177.160.181.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.095.070.219	177.160.181.167
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71.781.996.046	66.350.561.343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.313.074.173	110.809.619.824
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.441.416.917	13.660.904.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.045.801.598	17.648.940.444
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.045.801.598	17.648.940.444
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.404.815.968	13.540.899.587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		103.303.873.524	93.280.684.570
11. Thu nhập khác	31		1.075.402.001	1.976.119.153
12. Chi phí khác	32		3.137.730	5.243.800
13. Lợi nhuận khác	40		1.072.264.271	1.970.875.353
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.376.137.795	95.251.559.923
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	158.126.296	3.939.843.998
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		104.218.011.499	91.311.715.925
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.112	1.033

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Hà

Nguyễn Thành Tú Anh

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		104.376.137.795	95.251.559.923
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		48.670.451.019	49.069.756.120
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.441.416.917)	(12.902.929.175)
- Chi phí lãi vay	06		11.045.801.598	17.648.940.444
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		157.650.973.495	149.067.327.312
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.551.168.404	(65.205.924.401)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(640.861.930)	(44.063.755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		35.395.667.988	89.738.380.279
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		146.024.160	286.137.316
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.045.801.598)	(17.648.940.444)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.556.907.598)	(4.368.783.585)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.529.918.712)	(3.068.627.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		196.970.344.209	148.755.504.857
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(622.876.335.886)	(529.196.894.507)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(35.116.666.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	35.116.666.667
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-





Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.246.683.364	12.542.557.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(615.629.652.522)	(516.654.337.335)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	83.988.560.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		382.692.105.374	426.259.704.108
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(60.145.000.000)	(62.364.658.331)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(63.315.863.000)	(41.972.759.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		259.231.242.374	405.910.846.477
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(159.428.065.939)	38.012.013.999
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		182.894.255.652	144.882.241.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	23.466.189.713	182.894.255.652

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Hà

Nguyễn Thành Tú Anh

Nguyễn Văn Thịnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2014





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002486 ngày 13 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 06 với mã số doanh nghiệp là 0303416670 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 09 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 937.102.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

- Chi nhánh Lâm Đồng

Căn số 02, Lô D5, Hồ Tùng Mậu, khu QH Bắc Giang, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo nghề; Bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng





Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:





- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	06 năm
- Tài sản cố định hình thành từ xây dựng cơ bản	05 – 30 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Theo yêu cầu quản lý của Công ty, các Nhà máy Thủy điện Dasiat, Đa Dâng 2 là tài sản cố định hình thành từ xây dựng cơ bản. Trong đó, mỗi nhà máy là một hệ thống tài sản không thể tách rời bao gồm các công trình xây dựng, máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết





khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Chi phí lãi vay được vốn hoá trong kỳ là: 115.338.260.478 đồng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:





- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.





Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	223.979.877	29.224.334
Tiền gửi ngân hàng	20.742.209.836	18.107.915.384
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	2.500.000.000	164.757.115.934
Cộng	23.466.189.713	182.894.255.652

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	3.821.364.689	3.821.364.689
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	3.821.364.689	3.821.364.689

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
--	-------------------	-------------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	-	805.266.447
Phải thu khoản tạm ứng đền bù	307.362.200	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	23.692.916	73.831.281
Phải thu khác	22.209.501	358.599.890
Cộng	353.264.617	1.237.697.618

4. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	235.990.913	164.663.483
Công cụ, dụng cụ	968.282.156	398.747.656
Cộng	1.204.273.069	563.411.139
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.204.273.069	563.411.139

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp dư	113.116.139	-
Cộng	113.116.139	-

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	1.418.580.406	745.756.552
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	1.418.580.406	745.756.552



7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	TSCĐ hình thành từ xây dựng cơ bản	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình						
Số dư đầu năm	767.634.241.381	444.527.169	5.422.418.267	1.032.361.355	46.160.000	774.579.708.172
Số tăng trong năm	-	216.053.000	700.716.363	181.430.000	81.868.182	1.180.067.545
- Mua sắm mới	-	216.053.000	700.716.363	181.430.000	81.868.182	1.180.067.545
Số giảm trong năm	-	180.778.169	136.525.591	493.992.588	46.160.000	857.456.348
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	180.778.169	136.525.591	449.714.667	46.160.000	813.178.427
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	44.277.921	-	44.277.921
Số dư cuối năm	767.634.241.381	479.802.000	5.986.609.039	719.798.767	81.868.182	774.902.319.369
Giá trị đã hao mòn						
Số dư đầu năm	122.672.930.754	149.489.407	3.263.144.454	640.152.894	13.142.777	126.738.860.286
Khấu hao trong năm	48.170.371.608	86.146.177	659.639.487	118.220.429	4.819.210	49.039.196.911
Giảm trong năm	-	72.321.156	83.315.302	300.060.121	16.934.967	472.631.546
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	72.321.156	83.315.302	255.782.200	16.934.967	428.353.625
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	44.277.921	-	44.277.921
Số dư cuối kỳ	170.843.302.362	163.314.428	3.839.468.639	458.313.202	1.027.020	175.305.425.651
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình						
Tại ngày đầu năm	644.961.310.627	295.037.762	2.159.273.813	392.208.461	33.017.223	647.840.847.886
Tại ngày cuối năm	596.790.939.019	316.487.572	2.147.140.400	261.485.565	80.841.162	599.596.893.718

(*) Ghi chú:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ XDCB có nguyên giá theo sổ kế toán là 767.634.241.381 đồng được hạch toán theo giá tạm tính. Toàn bộ tài sản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 870.894.253 đồng.

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình			
Số dư đầu năm	2.719.863.637	24.984.000	2.744.847.637
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	24.984.000	24.984.000
Số dư cuối năm	2.719.863.637	-	2.719.863.637
Giá trị đã hao mòn			
Số dư đầu năm	-	8.207.110	8.207.110
Khấu hao trong năm	-	2.206.920	2.206.920
Giảm trong năm	-	10.414.030	10.414.030
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình			
Tại ngày đầu năm	2.719.863.637	16.776.890	2.736.640.527
Tại ngày cuối năm	2.719.863.637	-	2.719.863.637

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.070.136.983.461	1.448.069.762.308
- Chi phí XD CB nhà điều hành Bảo Lộc	193.183.181	193.183.181
- Chi phí mua sắm TSCĐ	154.100.000	18.580.000
- CP chờ quyết toán Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2	10.268.755.647	-
- Nhà máy thủy điện Đambri	2.059.520.944.633	1.447.857.999.127
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Cộng	2.070.136.983.461	1.448.069.762.308

(*) **Ghi chú:** Toàn bộ giá trị XD CB dở dang tại Nhà máy thủy điện Đambri đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chưa phân bổ	695.718.741	173.932.844
Chi phí trả trước dài hạn khác	71.107.653	437.794.828





Cộng	766.826.394	611.727.672
11. Vay và nợ ngắn hạn		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	189.295.000.000	96.364.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	42.516.000.000	42.516.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	129.579.000.000	36.408.000.000
- Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Tp HCM	8.600.000.000	8.720.000.000
- Ngân hàng ngoại thương tại TP Hồ Chí Minh	6.020.000.000	6.104.000.000
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sài Gòn	2.580.000.000	2.616.000.000
Cộng	254.295.000.000	96.364.000.000

(*) Xem thuyết minh số 15 – Vay và nợ dài hạn.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1.478.829.315	1.232.538.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.285.665.163
Thuế thu nhập cá nhân	274.395.621	245.749.505
Thuế tài nguyên	544.405.754	390.791.555
Phí dịch vụ bảo vệ rừng	2.895.163.330	2.364.111.800
Cộng	5.192.794.020	5.518.856.437

13. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình Nhà máy thủy điện	9.301.005.032	9.964.319.474





Trích trước chi phí công trình Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2	244.221.745	-
Các khoản chi phí trích trước khác	190.080.000	-

Cộng

9.735.306.777

9.964.319.474

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn phải nộp	-	129.398.239
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.258.534.400	3.977.257.400
Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (*)	200.805.516.102	181.007.118.356
Các khoản phải trả, phải nộp khác	515.186.809	1.964.116.514

Cộng

207.579.237.311

187.077.890.509

(*) Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là khoản uỷ thác nhập khẩu, mua thiết bị cho nhà máy thủy điện ĐamBri.

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	1.254.246.802.547	1.089.630.697.173
- Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp HCM (a)	-	8.600.000.000
- Ngân hàng ngoại thương tại TP Hồ Chí Minh (a)	-	6.020.000.000
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sài Gòn (a)	-	2.580.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (b)	1.111.683.809.483	987.351.704.108
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh	99.999.999.999	-





HCM (c)

- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II 42.562.993.065 85.078.993.065
(d)

Nợ dài hạn

-

-

Cộng

1.254.246.802.547

1.089.630.697.173

Chi tiết vay dài hạn:

- (a) Vay Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp HCM, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – tại Tp HCM và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 05.411001/HĐCVHV.TDH ngày 22 tháng 11 năm 2005, hạn mức tín dụng là 169 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 12 năm, lãi suất tính bằng lãi suất cơ sở + 2,5%, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay.
- (b) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà Nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay.
- (c) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 212/2013/HĐTD/CMB-HCM ngày 16 tháng 12 năm 2013, thời hạn hợp đồng 36 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân đầu tiên là 10,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%), khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp.
- (d) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTDDT-NHPT-PC ngày 21 tháng 7 năm 2008, hạn mức tín dụng là 276,341 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 08 năm, lãi suất tính bằng lãi suất 6,9%/ năm , khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay.
- (*) **Ghi chú:** Khoản vay dài hạn phải trả trong ngắn hạn phát sinh từ những khoản vay dài hạn trên sẽ được kết chuyển sang khoản mục Vay và nợ ngắn hạn, chi tiết là Nợ dài hạn đến hạn trả như được trình bày tại thuyết minh số V.11.

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	853.113.440.000	62.685.271.822
Phát hành cổ phiếu	83.988.560.000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM***Lợi nhuận trong năm nay*

91.311.715.925

Trích lập các quỹ

(3.154.574.270)

Chia cổ tức

(42.655.672.000)

Tăng khác

545.382.406

Số dư cuối năm trước**937.102.000.000 108.732.123.883****Số dư đầu năm nay****937.102.000.000 108.732.123.883***Lãi trong năm nay*

- 104.218.011.499

Chia cổ tức năm 2012

(65.597.140.000)

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2012

(3.652.468.637)

Số dư cuối năm nay**937.102.000.000 143.700.526.745****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013	%	01/01/2013	%
	VND		VND	
Vốn góp của Tổng Công ty điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86%	457.843.580.000	48,86%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bía Rượu NGK Sài Gòn	189.507.130.000	20,22%	189.507.130.000	20,22%
Vốn góp của các đối tượng khác	289.751.290.000	30,92%	289.751.290.000	30,92%
Cộng	937.102.000.000	100%	937.102.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	937.102.000.000	853.113.440.000
Vốn góp tăng trong năm	-	83.988.560.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	937.102.000.000	937.102.000.000





d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93.710.200	93.710.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu phổ thông	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu phổ thông	93.710.200	93.710.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.095.070.219	177.160.181.167
Cộng	194.095.070.219	177.160.181.167

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.781.996.046	66.350.561.343
Cộng	71.781.996.046	66.350.561.343





	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.441.416.917	13.660.904.777
Cộng	6.441.416.917	13.660.904.777

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	11.045.801.598	17.648.940.444
Cộng	11.045.801.598	17.648.940.444

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo quy định hiện hành thì Công ty đã đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Công ty được được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm với thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 09 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm thứ 04 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ dự án.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.376.137.795	95.251.559.923
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.424.065.741	3.316.469.392
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.424.065.741	3.316.469.392
+ <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	2.325.534.823	3.316.469.392
+ <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	98.530.918	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	106.800.203.536	98.568.029.315

Trong đó:





- Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi 10%	106.167.698.351	82.808.653.323
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông 25%	632.505.185	15.759.375.992
Thuế TNDN được miễn, giảm	10.616.769.835	8.280.865.332
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	158.126.296	3.939.843.998

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	104.218.011.499	91.311.715.925
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	104.218.011.499	91.311.715.925
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	93.710.200	88.369.157
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.112	1.033

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	683.939.722	833.986.030
Chi phí nhân công	13.026.451.947	11.713.895.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.670.451.019	48.647.119.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.541.763.351	4.461.815.900
Chi phí khác bằng tiền	20.264.205.975	14.234.644.777
Cộng	86.186.812.014	79.891.460.930



**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm tài chính 2013, Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	2.756.763.072	2.341.439.937

Trong năm tài chính 2013, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	32.049.050.600
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	13.265.499.100

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải thu / (phải trả) (VND)
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Uỷ thác nhập khẩu thiết bị 155.242.513.872 Nhận thiết bị nhập khẩu (200.805.516.102)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý





Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.15). Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	696.315.550.325	725.090.993.064	529.155.809.483	1.950.562.352.872
Phải trả cho người bán	106.033.125.202	-	-	106.033.125.202
Vay và nợ	254.295.000.000	725.090.993.064	529.155.809.483	1.508.541.802.547
Các khoản phải trả khác	335.987.425.123	-	-	335.987.425.123
Số đầu kỳ	385.220.948.032	684.806.993.065	404.823.704.108	1.474.851.645.205
Phải trả cho người bán	91.953.081.357	-	-	91.953.081.357
Vay và nợ	96.364.000.000	684.806.993.065	404.823.704.108	1.185.994.697.173
Các khoản phải trả khác	196.903.866.675	-	-	196.903.866.675

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.





Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

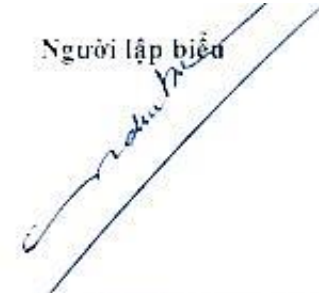
Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2013, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu  Nguyễn Duy Hà	Kế toán trưởng  Nguyễn Thành Tú Anh	Tổng Giám đốc  Nguyễn Văn Thịnh
---	--	---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

